

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 01-11-2018.

V/v tranh chấp: “ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm.

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Công H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị D trình bày: Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau chị và anh H về sống chung với gia đình anh H. Chị và anh H sống hạnh phúc đến năm 2000 thì bắt đầu mâu thuẫn với gia đình bên chồng do gia đình chồng có nhiều thành viên cùng sống chung, có chị chồng, em chồng nên chị và anh H dời về bên gia đình chị sống, sống được một thời gian ngắn thì chị đi hợp tác lao động ở nước ngoài, anh H quay về gia đình anh H sống tiếp và đi làm nghề kéo đàn ở đám tiệc. Khi chị quay về nước thì chị và anh H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không tiếp tục cuộc sống vợ chồng do anh H ham mê rượu chè, không lo làm ăn. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê

Công H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con là Lê Khánh B, sinh ngày 27/10/1999 và Lê Tuấn K, sinh ngày 25/3/2002. Cháu B đang học đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, cháu K đang theo sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu K, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2018 anh Lê Công H trình bày: Nhận thấy thống nhất với lời khai của chị D về thời gian chung sống của vợ chồng, thời gian kết hôn, thời gian ly thân, con chung và tài sản chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo anh là do anh không lo lắng cho gia đình, thường xuyên uống rượu, gây gổ với vợ. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn với chị D vì anh còn thương vợ, thương con, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn con chung theo nguyện vọng của con, nếu theo chị D thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị D và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 25/3/2002 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến lần thứ hai mà anh H vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh H tự chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, không thuộc trường hợp được xem là hôn nhân thực tế, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó căn cứ tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; tuyên bố không công nhận chị D và anh H là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung:

- Lê Khánh B, sinh ngày 27/10/1999, đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

- Lê Tuấn K, sinh ngày 25/3/2002. Sau khi xem xét điều kiện nuôi con cũng như nguyện vọng của cháu K thấy cần thiết phải giao chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K; Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 15, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận chị Phan Thị D và anh Lê Công H là vợ chồng.

Tuyên xử:

1/ Về con chung:

- Cháu Lê Khánh B, sinh ngày 27/10/1999, đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết

- Giao con chung: Cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 25/3/2002 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Anh H có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí:

- Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016149 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (ghi nhận chị D đã nộp đủ án phí).

- Anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA